

Bản án số: 52/2025/HNGD-ST
Ngày: 11 - 4 - 2025
“V/v: ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin,
Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1219/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970;

Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 29 tháng 10 năm 2019. Cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống chung không phù hợp, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc.

Về hôn nhân: ông Đ yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: ông Đ và bà L có 03 con chung tên Nguyễn Thị Liễu Đ1, sinh ngày 01/01/1993; Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị

Kiều A, sinh ngày 18/4/2000, hiện nay con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 13/3/2025 và tại phiên: bà L thống nhất lời trình bày của ông Đ về ngày tháng năm kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc ông Đ và bà L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn; bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ thấy rằng: ông Đ và bà L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, ông Đ và bà L tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa ông Đ và bà L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu đoàn tụ nhưng yêu cầu của bà không được ông Đ đồng ý. Thấy rằng, một trong hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ.

[4] Về con chung: ông Đ và bà L có 03 con chung tên Nguyễn Thị Liễu Đ1, sinh ngày 01/01/1993; Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 18/4/2000 hiện nay con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa ái giải quyết.

[5] Xét về tài sản chung: ông Đ trình bày không có, không yêu cầu, bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[6] Xét về nợ chung: ông Đ và bà L thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: ông Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: các con chung tên Nguyễn Thị Liễu Đ1, sinh ngày 01/01/1993; Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 18/4/2000 hiện nay đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: ông Đ trình bày không có, bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: ông Đ và bà L trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005946 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa). Ông Đ đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- CC. THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa
(để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vụ